

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2021/HS-PT**

Ngày: 25-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm và ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 300/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

NGUYỄN THỊ THANH N, sinh ngày 01/7/1981 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Công an; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N1; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1962; có chồng: Trần Hữu C, sinh năm 1977 và có 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam ngày 07/6/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ K - Văn phòng Luật sư Bình Định, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định. Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

- Bị hại:

1. Chị Huỳnh Thị B H, sinh năm 1978; cư trú tại T 2, thị trấn T, T, Bình Định.

2. Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm 1978; cư trú tại Thôn Đ, P, T, Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; cư trú tại TT.T, T, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; cư trú tại số nhà 482 N, thị trấn T, T, Bình Định.

2. Anh Trần Hữu C, sinh năm 1977; cư trú tại thôn T 1, thị trấn T, T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh N là cán bộ Đội tham mưu tổng hợp thuộc Công an huyện T, tỉnh Bình Định, được giao nhiệm vụ Kế toán - Hậu cần. Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến cuối tháng 7/2017, N nhiều lần ứng tiền của Cơ quan để sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến thiếu hụt quỹ tiền mặt. Khi Cơ quan cần tiền thì N đi vay nóng của một số cá nhân ngoài xã hội với lãi suất cao để trả lại cho cơ quan. Để vay được tiền, N lấy danh nghĩa là cán bộ Công an huyện, dùng sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân của Trần Hữu C (chồng N) hoặc mượn giấy Chứng minh CAND, thẻ Đảng viên của cán bộ Công an cùng đơn vị để thế chấp vay tiền; hoặc làm giả giấy Chứng minh CAND của N và người khác để thế chấp vay tiền. Thời gian đầu, Nguyễn Thị Thanh N thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đầy đủ và đúng hạn, làm cho nhiều người tin tưởng và ham lời cho N vay, sau đó N chiếm đoạt không trả.

Quá trình điều tra đã xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thị Thanh N nhiều lần thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các cá nhân trên địa bàn huyện T cụ thể như sau:

+ *Đối với Huỳnh Thị B H:*

Do quen biết với Huỳnh Thị B H ở chợ B thị trấn T, Nguyễn Thị Thanh N biết bà H có cho vay lấy lãi, nên đã dùng thủ đoạn gian dối, nhiều lần vay tiền của bà H sau đó chiếm đoạt cụ thể là:

- Lần thứ nhất: Trước ngày 29/01/2017, ông Châu Đình S (nguyên cán bộ Công an huyện T, hiện đã xuất ngũ), nhờ N thế chấp thẻ Đảng viên của mình để vay tiền của người khác. Sau đó, ông S đã trả lại tiền vay, nhưng N không trả lại thẻ Đảng viên cho ông S. Ngày 29/01/2017, N lấy thẻ Đảng viên của ông S đem thế chấp cho bà H, nói dối với bà H là “vay giúp cho S” số tiền 400.000.000 đồng; lãi thỏa thuận 25.000.000 đồng/tháng và viết “giấy mượn tiền” đưa cho bà H giữ. Số tiền vay được, N sử dụng trả lãi cho bà H 04 tháng x 25.000.000 đồng/tháng = 100.000.000 đồng, số còn lại 300.000.000 đồng N sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó, nhưng không nhớ chi trả cho ai, từng người bao nhiêu và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: Ngày 29/3/2017, Nguyễn Thị Thanh N hỏi mượn giấy CMCAND của ông Phùng Thanh T (cán bộ Công an huyện T) nói dối “sử dụng

thể chấp vay tiền trang trải cho Cơ quan, vài bữa trả lại”. Ông T tin N nói thật nên cho mượn. N đem thể chấp cho bà H để vay số tiền 450.000.000 đồng; lãi thỏa thuận 35.000.000 đồng/tháng với lý do nói dối “vay giúp cho T xây phòng trọ cho thuê, một tháng sau sẽ trả”. N viết “giấy mượn tiền” đưa cho bà H giữ. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà H 01 tháng là 35.000.000 đồng, số còn lại 415.000.000 đồng N chiếm đoạt sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ ba: Ngày 27/4/2017, Nguyễn Thị Thanh N hỏi mượn giấy CMCAND của ông Nguyễn Hữu V (cán bộ Công an huyện T) rồi nhờ một người khác (N không xác định là ai) viết “giấy mượn tiền” ghi tên người mượn là Nguyễn Hữu V và thể chấp giấy CMCAND của ông V để vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận 35.000.000 đồng/tháng và nói dối với bà H là “vay giúp cho V lấy tiền mua đất xây nhà thời hạn 1 tháng sẽ trả”. Nguyễn Thị Thanh N trả lãi cho bà H 02 tháng x 35.000.000 đồng/tháng = 70.000.000 đồng, số còn lại 430.000.000 đồng N trả nợ lãi các khoản vay trước đó và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ tư: Trước đó, Nguyễn Thị Thanh N nhờ ông Huỳnh Thanh V (cán bộ Công an huyện T), thể chấp Giấy CMCAND của ông V để vay của bà Võ Thị Mỹ N1 (trú ở thôn N 2, P, T) số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 17/5/2017, N thấy bà H cho vay tiền lãi suất thấp hơn, N chuyển sang vay tiền của bà H để trả nợ cho bà N1. N nói dối với bà H là cần “vay tiền giúp cho V để V trả bà N1”. Bà H yêu cầu V phải thể chấp Giấy CMCAND thì mới đồng ý cho vay. N hỏi bà N1 mượn lại Giấy CMCAND của ông V và nhờ một người (hiện không nhớ là ai) viết “giấy mượn tiền” ghi tên Huỳnh Thanh V mượn của bà H số tiền 450.000.000 đồng; tiền lãi thỏa thuận 35.000.000 đồng/tháng và đưa giấy CMCAND của ông V cho bà H cất giữ. N trả lãi cho bà H 01 tháng là 35.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 415.000.000 đồng.

Đến khoảng giữa tháng 6/2017, Nguyễn Thị Thanh N biết được Công an tỉnh Bình Định tổ chức kiểm tra giấy CMCAND của cán bộ, chiến sĩ Công an huyện T, nên N đến gặp bà H hỏi mượn lại 03 giấy CMCAND của Phùng Thanh T, Nguyễn Hữu V và Huỳnh Thanh V là cán bộ Công an huyện T đã thể chấp trước đó, trong thời gian 1 tuần để kiểm tra, nhưng bà H chỉ đồng ý cho mượn 1 ngày. Sau khi lấy lại được 03 giấy CMCAND này, N đem 03 CMCAND thật đến Tiệm ảnh “T Đức” ở địa chỉ 253, L, thành phố Q, thuê nhân viên tại đây Scan màu và ép plastic làm giả giống như 03 giấy CMCAND thật rồi mang 03 giấy CMCAND được làm giả đưa lại cho bà H cất giữ, còn các giấy CMCAND thật N mang trả cho các ông T, V và V để nộp cho đơn vị phục vụ kiểm tra.

- Lần thứ năm: Ngày 26/6/2017, Nguyễn Thị Thanh N biết ông Đỗ Như T - Cán bộ Đội tổng hợp Công an huyện T có nhiệm vụ đem toàn bộ giấy CMCAND của cán bộ chiến sĩ Công an huyện Tuy phước về Công an tỉnh để kiểm tra theo quy định. Trước khi ông T làm thủ tục giao nộp thẻ Ngành cho Công an tỉnh, thì N nói cho mượn lại giấy CMCAND. Do cùng là cán bộ trong đơn vị, nên ông T nể nang và đã đưa cho N mượn lại CMCAND của N và của

ông Lê Minh C. Ngay sau đó, N đem 02 giấy CMCAND thật của N và của ông C đến Tiệm ảnh “T Đức” ở địa chỉ 253, L, Q thuê nhân viên Scan màu và ép plastic làm giả 02 bản giống như giấy CMCAND thật rồi mang giấy CMCAND thật về trả lại cho ông Đỗ Như T để nộp Công an tỉnh kiểm tra.

Đến chiều cùng ngày, Nguyễn Thị Thanh N nhờ ông Lê Văn B (là chiến sỹ phục vụ có thời hạn tại Công an huyện T) viết giúp cho N tờ “giấy mượn tiền” có nội dung: “Lê Minh C mượn của chị Huỳnh Thị B H số tiền 150.000.000 đồng”. N dùng giấy CMCAND giả và giấy mượn tiền này đưa cho bà H, nói dối là Lê Minh C đứng tên mượn tiền, hẹn vài ngày trả lại cũng như trả hết các khoản vay trước đó. Số tiền vay được N chiếm đoạt sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ sáu: Ngày 06/7/2017, Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục sử dụng giấy CMCAND làm giả của N thế chấp cho bà H vay số tiền 450.000.000 đồng; với lý do “mượn tạm vài ngày có việc cần gấp sau đó sẽ vay Ngân hàng trả lại”. Số tiền vay được, N chiếm đoạt sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó còn lại tiêu xài cá nhân.

Như vậy, từ ngày 29/01/2017 đến ngày 06/7/2017, Nguyễn Thị Thanh N đã vay của bà H 06 lần với tổng số tiền 2.400.000.000đ, đã trả 240.000.000 đồng, còn chiếm đoạt: 2.160.000.000 đồng.

+ *Đối với Lê Văn L:*

Do cần tiền trả nợ, nên ngày 23/6/2017, Nguyễn Thị Thanh N hỏi mượn tiền của ông Trương Đình T (trú ở T), nhưng ông T không có tiền cho mượn nên dẫn N đến nhà ông Lê Văn L ở huyện T để giới thiệu N vay tiền của ông L. Khi đến nhà ông L, N mặc trang phục Công an nhân dân và giới thiệu mình là kế toán kiêm thủ quỹ Công an huyện T, chồng là Trần Hữu C cũng là cán bộ Công an huyện T và nói dối “ngày mai Công an tỉnh kiểm tra quỹ tiền mặt Công an huyện T, bây giờ tiền trong két bị thiếu, chú cho con vay 110.000.000 đồng để bỏ vào quỹ, 04 ngày sau kiểm tra xong con trả lại chú”. Để tạo lòng tin với ông L, N đưa bản gốc sổ hộ khẩu gia đình của mình và giấy CMND của Trần Hữu C cho ông L giữ và N viết giấy vay tiền đưa cho ông L. Khi ông L đòi tiền, thì N đã trả lại số tiền 31.000.000 đồng và xin nhận lại CMND của Trần Hữu C. Số tiền còn lại 79.000.000 đồng, N chiếm đoạt dùng trả nợ vay và sử dụng cá nhân.

+ *Đối với Huỳnh Thanh V:*

Do cùng đơn vị Công an huyện T, Nguyễn Thị Thanh N đưa ra nhiều lý do nhờ ông Huỳnh Thanh V vay tiền của các Tổ chức tín dụng và các cá nhân ngoài xã hội rồi đưa cho N vay lại sau đó chiếm đoạt cụ thể:

- Lần thứ nhất: Trước ngày 16/02/2017, Nguyễn Thị Thanh N nhờ ông V vay tín chấp tại Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh Bình Định. Ngày 16/02/2017, ông V làm thủ tục vay tại Ngân hàng này được 200.000.000 đồng, sau đó đưa cho N mượn 130.000.000 đồng, N viết giấy mượn đưa cho ông V giữ. N sử dụng trả nợ Ngân hàng thay cho ông V 4 tháng x 3.340.000

đồng/tháng = 13.360.000 đồng, số còn lại 116.640.000 đồng, N chiếm đoạt sử dụng trả nợ lãi các khoản vay và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: Ngày 07/4/2017, Nguyễn Thị Thanh N hỏi mượn ông Huỳnh Thanh V số tiền 50.000.000 đồng với lý do “để giải quyết công việc cho cơ quan, hẹn 1 tháng sẽ trả lại”. N viết “giấy mượn tiền” đưa ông V giữ. Số tiền mượn được, N chiếm đoạt sử dụng trả nợ lãi các khoản vay và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ ba: Ngày 29/5/2017, Nguyễn Thị Thanh N nói dối ông V “cần tiền mua lô đất phía sau khu nhà làm việc huyện Đoàn T” và gợi ý ông Huỳnh Thanh V hỏi giúp người khác vay tiền cho N, nếu mua được đất N sẽ đem thế chấp Ngân hàng vay tiền đưa cho ông V trả nợ, đồng thời N hứa sẽ bồi dưỡng cho ông V. Ông Huỳnh Thanh V đã mượn của anh Nguyễn Quý Đức ở 15, Lý Thường Kiệt, thành phố Q được 350.000.000 đồng rồi đưa cho N mượn lại. Số tiền chiếm đoạt N sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó và tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ tư: Ngày 21/6/2017, Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục nhờ ông Huỳnh Thanh V vay giúp tiền của người khác cho N để đáo hạn Ngân hàng. Tin lời N nói, ông V đi vay của anh Võ Thiên S ở thành phố Q được 200.000.000 đồng rồi đưa cho N. N viết “giấy mượn tiền” đưa ông V giữ. Số tiền chiếm đoạt N sử dụng trả nợ lãi các khoản vay trước đó và tiêu xài cá nhân.

Như vậy, từ ngày 16/02/2017 đến ngày 21/6/2017, Nguyễn Thị Thanh N đã mượn tiền của ông Huỳnh Thanh V và nhờ ông V vay tiền của Ngân hàng và các cá nhân cho N mượn 04 lần với tổng số tiền 730.000.000 đồng, đã trả được 13.360.000 đồng, còn chiếm đoạt: 716.640.000 đồng.

+ Đối với Võ Thị Mỹ N1:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thị Thanh N biết bà Võ Thị Mỹ N1 ở huyện T có cho vay tiền. N đến làm quen, giới thiệu mình là cán bộ Công an huyện T, nói dối cần vay tiền để chi cho các hoạt động của Công an huyện T. B thủ đoạn như trên, N đã hỏi vay tiền của bà Võ Thị Mỹ N1 nhiều lần, sau đó chiếm đoạt, cụ thể sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 27/3/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N hỏi vay của bà N1 số tiền 50.000.000 đồng, N viết giấy mượn tiền đưa cho bà N1. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà N1 4.000.000 đồng, chiếm đoạt 46.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 29/3/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N vay của bà N1 số tiền 50.000.000 đồng, N viết giấy mượn tiền đưa cho N1. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà N1 4.000.000 đồng, chiếm đoạt 46.000.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 04/4/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N vay của bà N1 số tiền 200.000.000 đồng, N viết giấy mượn tiền đưa cho N1. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà N1 4.000.000 đồng, chiếm đoạt 196.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 11/4/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N vay của bà N1 số tiền 200.000.000 đồng, N viết giấy mượn tiền đưa cho N1. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà N1 12.000.000 đồng, chiếm đoạt 188.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 23/4/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N vay của bà N1 số tiền 100.000.000 đồng, N viết giấy mượn tiền đưa cho N1. Số tiền vay được, N trả lãi cho bà N1 6.000.000 đồng, chiếm đoạt 94.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Võ Thị Mỹ N1 còn tố giác Nguyễn Thị Thanh N chiếm đoạt 85.000.000 đồng từ việc N hứa hẹn làm thủ tục xuất ngũ cho ông Nguyễn Minh Cảnh (cán bộ Công an huyện T). Trước đó, ông Cảnh vay của bà N1 170.000.000 đồng, nhưng ông Cảnh đã bỏ trốn không trả nợ cho bà N1. Biết N có thể giúp bà N1 thu hồi số tiền ông Cảnh nợ, nên giữa bà N1 và N thỏa thuận với nhau, nếu N làm thủ tục để Công an huyện T thanh toán chế độ nghỉ việc cho ông Cảnh được số tiền khoảng 200.000.000 đồng, thì bà N1 sẽ chi cho N số tiền 85.000.000 đồng (50% của số tiền ông Cảnh nợ bà N1). Bà Võ Thị Mỹ N1 khai đã đưa trước cho N 85.000.000 đồng và N có viết giấy đưa cho bà N1, có nội dung: *“Tiền ra quân vụ thăng Cảnh thị trấn ra quân. N chịu trách nhiệm khi tiền ra quân của Cảnh, nhận tiền Cảnh nợ N1: 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu). Hẹn đến ngày mùng 02/6/2017 trả”*. Sau đó, do bà N1 không đòi được tiền của ông Cảnh nên đã yêu cầu N trả lại. Tuy nhiên, qua các tài liệu điều tra và tiến hành kiểm tra tin nhắn trên điện thoại di động của N có lưu giữ tin nhắn của bà N1 gửi cho N chỉ có nội dung *“mày ăn tiền tao 5 triệu vụ thăng Cảnh”*. Do đó, chưa đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị Thanh N có hành vi chiếm đoạt số tiền này của bà N1, nên tách yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ N1 đối với số tiền 85.000.000 đồng để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Như vậy, từ ngày 27/3/2017 (âm lịch) đến ngày 23/4/2017 (âm lịch), Nguyễn Thị Thanh N đã vay của bà Võ Thị Mỹ N1 05 lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng, còn chiếm đoạt: 570.000.000 đồng.

+ *Đối với Nguyễn Thị T1:*

Bà Nguyễn Thị T1 là bạn học phổ thông với Nguyễn Thị Thanh N. Ngày 13/9/2016, N đến gặp bà T1 nói dối đang cần tiền “mua gỗ ở Cảng Q”, hỏi mượn 30.000.000 đồng, hẹn 10 đến 15 ngày sau sẽ trả lại. Biết N đang xây nhà, nên bà T1 tin lời đưa cho N mượn 30.000.000 đồng. N viết “giấy mượn tiền” đưa cho bà T1 giữ. Số tiền mượn được, N trả lại cho bà T1 10.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 36/KLGD-PC54 ngày 05/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: 05 (năm) giấy CMCAND mang tên Phùng Thanh T, Nguyễn Hữu V, Huỳnh Thanh V, Nguyễn Thị Thanh N và Lê Minh C thu giữ được đều là giả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo đã nộp 40.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để khắc phục hậu quả cho các bị hại (tại cấp sơ thẩm 10.000.000 đồng và tại cấp phúc thẩm 30.000.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HSST ngày 06/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c, khoản 2 Điều 341; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 07/6/2018.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 463, 466 BLDS. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải trả cho các bị hại như sau:

- + Chị Huỳnh Thị B H: 2.160.000.000 đồng;
- + Ông Lê Văn L: 79.000.000 đồng;
- + Anh Huỳnh Thanh V: 716.640.000 đồng;
- + Chị Võ Thị Mỹ N1: 570.000.000 đồng;
- + Chị Nguyễn Thị T1: 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thanh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/7/2020, bị hại chị Huỳnh Thị B H kháng cáo nội dung: yêu cầu kê biên thu hồi tài sản để trả lại cho người bị hại.

Ngày 15/7/2020, bị hại anh Huỳnh Thanh V kháng cáo nội dung: Làm rõ những người đồng phạm trong gia đình bị cáo để không bỏ lọt tội phạm, tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu kê biên thu hồi tài sản để trả lại cho người bị hại.

Ngày 21/7/2020, bị hại chị Nguyễn Thị T1 kháng cáo nội dung: Tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu kê biên thu hồi tài sản để trả lại cho người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo về hai tội là có căn cứ. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công cách mạng, cha bị cáo là thương binh, đã khắc phục một phần hậu quả; đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà bản án sơ thẩm đã qui kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian công tác tại Công an huyện T, với nhiệm vụ kế toán – hậu cần, Nguyễn Thị Thanh N đã nhiều lần ứng tiền quỹ của cơ quan để sử dụng vào mục đích cá nhân, từ đó dẫn đến thiếu hụt quỹ tiền mặt của cơ quan. Do sợ cơ quan phát hiện hành vi ứng quỹ của mình, Nguyễn Thị Thanh N đã vay tiền của nhiều cá nhân với lãi suất cao, một phần tiền vay được bị cáo trả tiền quỹ cho cơ quan, phần còn lại bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân, sau đó không có khả năng trả nợ, cụ thể: Từ tháng 9/2016 đến tháng 7/2017, N lợi dụng danh nghĩa là cán bộ Công an huyện T đã hứa hẹn và vay tiền của nhiều người với lãi suất cao; để tạo lòng tin, bị cáo dùng Sổ hộ khẩu gia đình, Chứng minh nhân dân của chồng (ông Trần Hữu C), mượn Giấy chứng minh công an nhân dân, thẻ đảng viên của các cán bộ Công an huyện Tuy phước để thế chấp vay tiền. Đồng thời, để đạt được mục đích chiếm đoạt tiền của người khác, bị cáo còn làm giả Giấy chứng minh công an nhân dân của bản thân và của 04 cán bộ Công an huyện T, dùng tài liệu giả này thế chấp vay tiền rồi chiếm đoạt của 05 bị hại. Tổng số tiền chiếm đoạt là: 3.545.640.000 đồng.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, với tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” với tình tiết: “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, bản thân bị cáo có thành tích trong quá trình công tác, gia đình bị cáo có công cách mạng, cha bị cáo là thương binh hạng 4; xử phạt bị cáo 11 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận giảm hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của những người bị hại:

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có sự hỗ trợ giúp sức từ những người thân trong gia đình hoặc những đồng nghiệp, nên không có cơ sở cho rằng Cơ quan điều tra đã bỏ lọt tội phạm. Về yêu cầu tăng hình phạt, như đã phân tích trên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội và xử phạt bị cáo 11 năm tù là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt. Về yêu cầu kê biên, tịch thu tài sản để thi hành án: Người bị hại có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phong tỏa tài sản của bị cáo để thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của những người bị hại: Ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị Bảo H, bà Nguyễn Thị Thở.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh N.

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại: Ông Huỳnh Thanh V, bà Huỳnh Thị Bảo H, bà Nguyễn Thị Thở.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

1. Áp dụng các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm c, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c, khoản 2 Điều 341; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N **10 (mười)** năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; **01 (một)** năm tù về tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **11 (mười một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 07/6/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự